TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST
Ngày 03 tháng 4 năm 2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Liêu Tài Ngoánh

Ông Huỳnh Tài Em

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Văn Hữu Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 371/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXX-ST ngày 04 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Võ Út C, sinh năm 1978;

- Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Bà Sơn Thị Ngọc T, sinh năm 1976;

- Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

(Ông C, bà T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/11/2022 và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông Võ Út C trình bày:* Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Út C và bà Sơn Thị Ngọc T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1996, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 01/10/2009. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc, đến năm 2023 vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm và cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân. Nay ông C nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với bà T.

Về con chung: Quá trình chung sống ông C và bà T có 02 người con chung tên Võ Văn K, sinh năm 1997 và Võ Thị Huyền Tr, sinh ngày 09/4/2008. Sau khi ly hôn, ông C tự nguyện giao cháu Võ Thị Huyền Tr cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng,

ông C không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Võ Văn K đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Sơn Thị Ngọc T trình bày:* Bà T thống nhất với lời trình bày của ông C về hôn nhân, con chung, tài sản chung là đúng. Tuy nhiên, về hôn nhân bà T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông C do còn thương ông C. Về con chung: Quá trình chung sống ông C và bà T có 02 người con chung tên Võ Văn K, sinh năm 1997 và Võ Thị Huyền Tr, sinh ngày 09/4/2008. Trường hợp Tòa án cho ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr và yêu cầu ông Cưỡng cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Đối với cháu Võ Văn K đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu quan điểm:* - Về việc tuân theo pháp luật: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Võ Út C đối với bà Sơn Thị Ngọc T.

+ Về con chung: Giao cháu Võ Thị Huyền Tr, sinh ngày 09/4/2008 cho bà T trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Khả Tr với số tiền bằng ½ mức lương tối thiểu cho đến khi cháu Tr tròn 18 tuổi, ông C được quyền thăm nom con chung mà không ai được quyền ngăn cản.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Võ Út C phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận:

Về tố tụng:

Ông C yêu cầu ly hôn với bà T, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà T cư trú tại xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện H thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông C và bà T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1996, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 01/10/2009, nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Ông C xác định cuộc sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc, không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên ông cương quyết yêu cầu ly hôn với bà T.

Bà T không đồng ý ly hôn vì còn thương yêu ông C, tuy nhiên từ khi ly thân cho đến nay, bà T chưa có biện pháp nào để hàn gắn quan hệ hôn nhân với ông C, hiên tại thì ông C kiên quyết yêu cầu ly hôn với bà T.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm, yêu thương, tôn trọng lẫn nhau và cùng nhau chăm sóc gia đình, nhưng từ tháng 10 năm 2023 đến nay ông C, bà T đã mâu thuẫn, không quan tâm lẫn nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải, cho thời gian hai bên hàn gắn nhưng các bên không hàn gắn được. Ông C vẫn cương quyết xin ly hôn với bà T chứng tỏ sự mâu thuẫn, rạn nứt trong quan hệ của ông bà không có khả năng hàn gắn lại được, mục đích hôn nhân giữa ông C, bà T không đạt được. Mặt khác, hôn nhân được duy trì bền vững lâu dài và hạnh phúc là trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên, ông C yêu cầu được ly hôn và xác định không thể tiếp tục chung sống với bà T thì việc chung sống không được tự nguyện cũng sẽ dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông C, cho ông C được ly hôn với bà T.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con chung tên Võ Văn K, sinh năm 1997 và Võ Thị Huyền Tr, sinh ngày 09/4/2008.

Sau khi ly hôn, ông C tự nguyện giao cháu Võ Thị Huyền Tr cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, ông C không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Võ Văn K đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà T đồng ý tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Võ Thị Huyền Tr và yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi cháu Tr theo quy định pháp luật.

Theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: *"... 2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".*

Hội đồng xét xử xét thấy, tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu Võ Thị Huyền Tr, cháu Tr có nguyện vọng ở với mẹ, đây là sự tự nguyện của cháu Tr, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định pháp luật. Do đó, việc giao cháu Tr cho bà T nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi và phù hợp với nguyện vọng của cháu, phù hợp với nguyện vọng của ông C, bà T nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông C giao cháu Võ Thị Huyền Tr cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét yêu cầu cấp dưỡng của bà T đối với cháu Tr Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *"Cha, mẹ*

không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con…"; Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cũng quy định *"Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con"*. Như vậy, Trường hợp cha mẹ không có sống chung với con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con quy định tại Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình. Ông C không trực tiếp nuôi cháu Tr, nên bà T yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ chấp nhận. Theo quy định của Điều 69 và 71 Luật Hôn nhân và gia đình thì cha mẹ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên; thương yêu con; chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội. Vì vậy, nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung là nghĩa vụ chung của cả cha mẹ. Tiền cấp dưỡng nuôi con bao gồm những chi phí tối thiểu cho việc nuôi dưỡng và học hành của con.

Về mức cấp dưỡng: Tại Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình quy định mức cấp dưỡng phải căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Xét thấy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà T, buộc ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Võ Thị Huyền Tr với số tiền 900.000 đồng/01 tháng cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi theo quy định tại khoản 1 Điều 107, Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung: Ông C và bà T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông C và bà T thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Ông Võ Út C phải chịu là 300.000 đồng. Án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Võ Út C phải chịu là 300.000 đồng.

Từ các phân tích trên, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9;

Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Võ Út C. Xử cho ông Võ Út C được ly hôn với bà Sơn Thị Ngọc T.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Thị Huyền Tr, sinh ngày 09/4/2008 cho bà Sơn Thị Ngọc T trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông Võ Út C được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông Võ Út C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Võ Thị Huyền Tr, sinh ngày 09/4/2008 với số tiền là 900.000 đồng *(Chín trăm nghìn đồng)*/01 tháng cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản chung: Ông C và bà T thống nhất tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về nợ chung: Ông C và bà T thống nhất xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Ông Võ Út C phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ông C đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005048 ngày 06/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H được chuyển thu án phí 300.000 đồng, nay ông C phải nộp thêm 300.000 đồng.

Án xử công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- UBND xã M;
- Đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Thanh Tâm